

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 21 - 02 - 2023

“V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Long và bà H’ Jel MLô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Trinh Xuân Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về “Yêu cầu không công nhận quan hệ như vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST - DS ngày 14 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST - DS ngày 03 tháng 01 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/2023/TB - TA ngày 01/02/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H (Sinh năm 1971, có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tiến D (Sinh năm 1970, vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà (Trần Thị H) và ông Nguyễn Tiến D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi làm lễ cưới bà và ông D chung sống hòa thuận cho đến cách đây khoảng 4 năm thì giữa hai người phát sinh mâu thuẫn và không thể chung sống với nhau được nữa. Do hai người chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và hiện nay mâu thuẫn giữa hai người đã diễn ra trầm trọng. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ như vợ chồng giữa bà với ông Nguyễn Tiến D.

Về con chung: Bà và ông D có 03 con chung là Nguyễn Thị Y, sinh năm 1990; Nguyễn Tiến D, sinh năm 1992 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1996. Các con chung của bà và ông D đều đã trên 18 tuổi, vì vậy bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 18/10/2022 bị đơn ông Nguyễn Tiến D trình bày:

Ông công nhận ông và bà Trần Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hai người chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện.

Hai người chung sống hòa thuận cho đến cách đây khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn và không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, hiện nay bà H yêu cầu không công nhận quan hệ như vợ chồng giữa ông với bà H thì ông chấp nhận.

Về con chung: Ông và bà H có 03 con chung là Nguyễn Thị Y, sinh năm 1990; Nguyễn Tiến D1, sinh năm 1992 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1996. Các con chung của tôi và ông D đều đã trên 18 tuổi, vì vậy ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm nuôi con khi Tòa án giải quyết vụ án.

Về tài sản chung: Hiện tại ông chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi đến Tòa án để trình bày lời khai, ông D không tiếp tục đến Tòa án để làm việc theo thông báo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Vì vậy, việc HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị H và ông Nguyễn Tiến D là vợ, chồng; Về con chung: Các con của bà H và ông D đã trên 18 tuổi nên không đề cập xem xét về trách nhiệm nuôi con; Về vấn đề phân chia tài sản chung và thanh toán nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa ông Nguyễn Tiến D vắng mặt, mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Tiến D chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do hai người phát sinh mâu thuẫn không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung như vợ chồng được nữa nên bà H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận bà và ông D là vợ, chồng. Như vậy, tranh chấp giữa bà H và ông D là “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông D sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến nay, không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền là trái với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nay bà H có yêu cầu chấm dứt quan hệ như vợ chồng với ông D. Xét tình cảm giữa bà H và ông D không còn và hai người cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy HĐXX xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận bà H và ông D là vợ, chồng.

- Về con chung: Bà H và ông D có 03 con chung và đều đã trên 18 tuổi nên Tòa án không xem xét, giải quyết về trách nhiệm nuôi con chung.

- Về phân chia tài sản: Quá trình giải quyết vụ án bà H không yêu cầu giải quyết, ông D chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết vấn đề phân chia tài sản chung trong vụ án này.

[3]. Về án phí: Bà H là người có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình, không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí, nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị H và ông Nguyễn Tiến D là vợ, chồng.

2. Về án phí: Bà Trần Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số 60AA/2021/0009210 ngày 15 tháng 9 năm 2022.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

